



City

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM**  
**SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)**

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA**  
*Báo cáo tài chính năm 2014*

17  
G T  
EM H  
T O  
I K  
W T  
N A  
H C

# CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 LÊ VĂN SỸ - PHƯỜNG 10 - QUẬN PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

---

## NỘI DUNG

---

<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>03 – 04</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>05</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2014	10 – 11
Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm 2014	12 – 33



# CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 LÊ VĂN SỸ - PHƯỜNG 10 - QUẬN PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Dược Phẩm Trung Ương Vidipha (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương VIDIPHA được thành lập theo Quyết định số 468/2003/QĐ-BYT ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Y Tế về việc chuyển Công ty Phát Triển Kỹ Nghệ Dược Trung Ương trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam thành công ty cổ phần; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300470246 ngày 24 tháng 03 năm 2003, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 12 ngày 27 tháng 12 năm 2012 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

### **Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:**

Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, nguyên liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), mỹ phẩm, thực phẩm (không sản xuất thực phẩm tươi sống ở các khu dân cư tập trung tại Thành phố Hồ Chí Minh), vật tư máy móc trang thiết bị y tế. Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Kinh doanh khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Dịch vụ bảo quản và kiểm nghiệm thuốc.

**Trụ sở chính đặt tại:** 184/2 Lê Văn Sỹ, Quận Phú Nhuận, TP. HCM.

Chi nhánh Hà Nội tại: Số NV38, Khu đô thị mới Trung Văn, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội.

### **Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### **Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Kiều Hữu	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Sơn	Ủy viên
Ông Hoàng Thế Bắc	Ủy viên
Bà Phạm Thị Lữ	Ủy viên
Bà Phạm Thị Phương Mai	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Hoàng Văn Hòa	Tổng Giám đốc
Ông Lê Bửu Trương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thế Bắc	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Quang Toàn	Trưởng ban
Bà Lê Hứa Thúy Anh	Ủy viên

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.



# CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 LÊ VĂN SỸ - PHƯỜNG 10 - QUẬN PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

## Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2015

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



**Hoàng Văn Hòa**

Số: 192/BCKT/TC**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP***Về Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty CP Dược Phẩm Trung Ương Vidipha***Kính gửi: - Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Dược Phẩm Trung Ương Vidipha.**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 kèm theo của Công ty CP Dược Phẩm Trung Ương Vidipha được lập ngày 15 tháng 3 năm 2015 từ trang 06 đến trang 33 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Dược Phẩm Trung Ương Vidipha tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2015

**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính  
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)  
Tổng Giám đốc****Kiểm toán viên****ĐỖ KHẮC THANH****ĐINH THẾ ĐƯỜNG**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0064-2013-142-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2013-142-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>265.602.565.862</b>	<b>201.570.059.173</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>15.703.451.724</b>	<b>18.340.216.383</b>
1. Tiền	111		15.703.451.724	18.340.216.383
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>2</b>	<b>25.000.000.000</b>	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		25.000.000.000	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>3</b>	<b>107.379.076.446</b>	<b>91.865.380.235</b>
1. Phải thu khách hàng	131	3.1	96.222.119.798	85.809.620.621
2. Trả trước cho người bán	132	3.2	5.311.545.952	2.374.736.560
5. Các khoản phải thu khác	135	3.3	7.215.748.184	5.051.360.542
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	3.4	(1.370.337.488)	(1.370.337.488)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4</b>	<b>112.308.237.761</b>	<b>86.589.367.467</b>
1. Hàng tồn kho	141		112.308.237.761	86.589.367.467
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>5</b>	<b>5.211.799.931</b>	<b>4.775.095.088</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.1	262.184.800	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.2	3.378.538.425	1.538.969.923
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.3		61.700.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	1.571.076.706	3.174.425.165
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>119.936.791.354</b>	<b>138.606.359.670</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>115.070.914.816</b>	<b>123.107.160.679</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>6</b>	<b>106.601.861.316</b>	<b>113.791.929.400</b>
- Nguyên giá	222		195.348.583.397	187.932.629.791
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(88.746.722.081)	(74.140.700.391)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>			
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>7</b>	<b>8.469.053.500</b>	<b>8.558.231.279</b>
- Nguyên giá	228		9.988.160.506	9.783.160.506
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.519.107.006)	(1.224.929.227)
<b>4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>	<b>8</b>		<b>757.000.000</b>
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.532.160.000</b>	<b>4.532.160.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	9	4.532.160.000	4.532.160.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>333.716.538</b>	<b>10.967.038.991</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	333.716.538	10.842.571.238
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			124.467.753
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>385.539.357.216</b>	<b>340.176.418.843</b>

**CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA**

Địa chỉ: 184/2 LÊ VĂN SỸ - PHƯỜNG 10 - QUẬN PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>113.122.994.961</b>	<b>79.079.222.360</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>11</b>	<b>113.030.748.791</b>	<b>70.073.222.360</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11.1	25.876.754.859	20.933.150.589
2. Phải trả người bán	312	11.2	63.133.565.075	31.863.742.307
3. Người mua trả tiền trước	313	11.3	1.874.443.803	6.040.570.721
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11.4	1.631.762.579	3.439.391.227
5. Phải trả người lao động	315	11.5	3.019.455.650	4.375.404.098
6. Chi phí phải trả	316	11.6		1.200.000.000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11.7	10.857.834.821	1.987.166.492
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	11.8	5.015.000.000	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành	323	11.9	1.621.932.004	233.796.926
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>92.246.170</b>	<b>9.006.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	12		9.006.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		92.246.170	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>272.416.362.255</b>	<b>261.097.196.483</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>13</b>	<b>272.416.362.255</b>	<b>261.097.196.483</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		87.000.000.000	87.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		77.477.983.200	77.477.983.200
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		13.030.515.170	13.030.515.170
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		58.973.605.068	54.459.146.629
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.143.518.535	6.796.252.501
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		28.790.740.282	22.333.298.983
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>385.539.357.216</b>	<b>340.176.418.843</b>



## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại (USD)	V.1	9.955,93	3.722,99
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2015

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Nghiêm Minh Tuấn**

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Hoàng Thế Bắc**

**Tổng Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Hoàng Văn Hòa**





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	400.522.922.889	333.073.599.702
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	15	1.288.150.319	1.956.234.666
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	16	399.234.772.570	331.117.365.036
4. Giá vốn hàng bán	11	17	317.348.628.288	258.694.357.848
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		81.886.144.282	72.423.007.188
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	1.288.462.463	755.452.510
7. Chi phí tài chính	22	19	2.874.695.070	5.472.454.462
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.957.550.420	4.371.361.350
8. Chi phí bán hàng	24	20	12.936.997.734	8.807.412.109
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	30.604.730.625	31.086.945.498
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		36.758.183.316	27.811.647.629
11. Thu nhập khác	31	22	31.588.724.107	30.553.866.871
12. Chi phí khác	32	23	30.426.608.927	27.245.628.394
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.162.115.180	3.308.238.477
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		37.920.298.496	31.119.886.106
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	8.640.822.599	8.639.033.183
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	25	216.713.923	(124.467.753)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	29	29.062.761.975	22.605.320.676
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	61	27	3.341	2.696

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)



Nghiêm Minh Tuấn

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



Hoàng Thế Bắc

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hoàng Văn Hòa

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>		<b>37.920.298.496</b>	<b>31.119.886.106</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ	2		14.900.219.370	14.164.085.126
- Các khoản dự phòng	3			18.996.050
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(1.258.181.812)	(749.400.891)
- Chi phí lãi vay	6		1.957.550.420	4.371.361.350
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>		<b>53.519.886.474</b>	<b>48.924.927.741</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(17.200.669.345)	(20.604.655.834)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(25.718.870.294)	2.749.476.460
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		39.934.434.037	22.381.274.782
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		9.563.932.840	385.670.209
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.957.550.420)	(4.371.361.350)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(10.449.760.428)	(6.251.247.786)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.625.806.800	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.559.540.189)	(4.603.448.209)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>47.757.669.475</b>	<b>38.610.636.013</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.620.953.606)	(3.452.871.501)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(25.000.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			9.100.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.258.181.812	749.400.891
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(31.362.771.794)</b>	<b>6.396.529.390</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			4.543.132.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		190.048.715.075	100.301.425.809
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(194.111.110.805)	(133.388.666.720)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.969.266.610)	(14.916.578.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(19.031.662.340)</b>	<b>(43.460.687.311)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA**

Địa chỉ: 184/2 LÊ VĂN SỸ - PHƯỜNG 10 - QUẬN PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(2.636.764.659)	1.546.478.092
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		18.340.216.383	16.793.738.291
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	15.703.451.724	18.340.216.383

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Nghiêm Minh Tuấn****Kế toán trưởng**

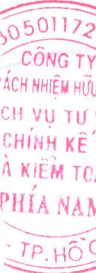
(Ký, họ tên)

**Hoàng Thế Bắc**

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2015

**Tổng Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Hoàng Văn Hòa**

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2014*

### **I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:**

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần
- Ngành nghề kinh doanh:** Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, nguyên liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), mỹ phẩm, thực phẩm (không sản xuất thực phẩm tươi sống ở các khu dân cư tập trung tại Thành phố Hồ Chí Minh), vật tư máy móc trang thiết bị y tế. Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Kinh doanh khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Dịch vụ bảo quản và kiểm nghiệm thuốc.

### **II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

- Niên độ kế toán** của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III Chế độ kế toán áp dụng:**

- Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

### **IV Các chính sách kế toán áp dụng:**

- Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển**

**1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:** Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- 1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:**

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính.

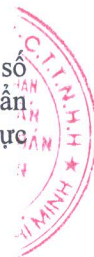
- 2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:**

- 2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.



## CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 LÊ VĂN SỸ - PHƯỜNG 10 - QUẬN PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

**2.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng.

**2.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

**2.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Không phát sinh.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**3.1 Nguyên tắc ghi nhận:**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

**3.2 Lập dự phòng phải thu khó đòi:**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

**4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

**5. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:**

**5.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

**5.2 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:**

**5.2.1. Chi phí trả trước:** Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

**5.2.2. Chi phí khác:** Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.



## **CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA**

Địa chỉ: 184/2 LÊ VĂN SỸ - PHƯỜNG 10 - QUẬN PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

### **5.3 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:**

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

### **6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền".
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

### **7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

### **8. Ghi nhận chi phí trả trước:**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

## CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 LÊ VĂN SỸ - PHƯỜNG 10 - QUẬN PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

### 9. Nguồn vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào Điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

#### 10.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### 10.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

#### 10.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>		
1.1- Tiền mặt	191.916.970	1.925.926.713
1.2- Tiền gửi ngân hàng	15.511.534.754	16.414.289.670
- Tiền gửi ngân hàng VND	15.298.428.073	16.356.643.685
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	10.210.503.118	12.163.264.364
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương	4.396.100.840	3.154.101.354
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - SGD II		75.170.991
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	1.594.738	419.988.888
Ngân hàng TMCP Sài Gòn SCB - CN.Chợ Lớn	1.006.826	
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN.Ba Đình	289.978.288	464.063.568
Ngân hàng Nông Nghiệp Phát triển Nông thôn Chi nhánh Hùng Vương	398.744.263	79.554.520
Ngân hàng Quân Đội	500.000	500.000
- Tiền gửi ngân hàng USD	213.106.681	57.645.985
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương (# 8,814.80 USD)	188.680.794	33.666.336
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (# 1,141.13 USD)	24.425.887	23.979.649
<b>Cộng tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>15.703.451.724</b>	<b>18.340.216.383</b>
<b>2. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tiền gửi Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN. Chợ Lớn	25.000.000.000	
<b>Cộng đầu tư ngắn hạn khác</b>	<b>25.000.000.000</b>	
<b>3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
3.1- Phải thu khách hàng	96.222.119.798	85.809.620.621
<i>Chi tiết phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2014 như sau:</i>		
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thương Mại Dược Phẩm NMN (*)	14.562.735.750	
Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm 3B (*)	8.459.424.280	
Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn (SAPHARCO) (*)	6.705.123.232	
Cửa Hàng Số 1 Vidipha (Quận 10) (*)	4.560.620.178	
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Kỳ Phương (*)	2.968.159.549	
Cửa Hàng Số 2 Vidipha (Quận I) (*)	2.516.729.994	
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Hương Việt (*)	1.317.036.507	
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Bến Tre (Bepharco) (*)	1.266.688.536	
Trần Đình Tâm	1.170.779.621	
Công ty TNHH MTV Dược Phẩm Trung Ương 2 (CODUPHA) (*)	1.133.447.879	
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tây Ninh (*)	809.151.456	
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tv.Pharm (*)	715.678.478	
Công ty Cp Dược Lâm Đồng (Ladophar) (*)	644.127.871	
Công ty TNHH Dược Phẩm Quang Anh (*)	630.728.700	
Công ty TNHH Dược Phẩm Trâm Bảo Khoa (*)	593.217.009	
Công ty Cổ Phần Dược VACOPHARM (*)	564.429.163	
Công ty Cổ Phần Dược - Thiết Bị Y Tế Đà Nẵng	537.808.828	
Công ty TNHH Dược Phẩm Minh Tấn (*)	456.441.230	
Công ty ROUSSEL Việt Nam (*)	423.941.686	
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Calapharco (*)	417.218.514	



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA**

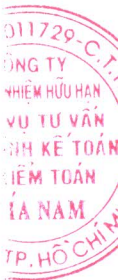
Địa chỉ: 184/2 LÊ VĂN SỸ - PHƯỜNG 10 - QUẬN PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

Công ty TNHH Dược Vật Tư Y Tế Đắk Nông (*)	408.460.114
Công ty TNHH Dược Phẩm Minh Trí (*)	374.346.206
Bệnh Viện Đa Khoa Cà Mau	328.943.731
Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Phẩm Trung Ương 1 (*)	319.991.175
Công ty TNHH Dược Phẩm Quốc Tế Nam Việt (*)	316.695.263
CN.Công ty TNHH MTV Dược Phẩm Trung Ương 2 Cần Thơ (*)	315.799.023
Công ty Cổ Phần Phòng Khám Đa Khoa Đại Minh Phước	315.518.563
Công ty TNHH Dược Phẩm Bửu Hòa	298.068.960
Công ty TNHH Dược Phẩm Phan Rang (*)	295.020.666
Bệnh viện Đa Khoa Huyện Càng Long - Trà Vinh	273.042.035
Trung Tâm Y Tế Khánh Sơn	272.122.012
Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Trung Ương 3 (*)	262.149.160
Công ty Cổ Phần Dược Vật Tư Y Tế Gia Lai (*)	251.955.770
Trung Tâm Y Tế Huyện Thăng Bình	245.100.054
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa (*)	241.601.838
Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Tây Ninh (*)	241.171.980
Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Đầm Dơi	237.305.588
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Mỹ Quốc (*)	225.865.121
Doanh Nghiệp TN Lý Thuận	225.275.377
Công ty Cổ Phần Kanapharma - Tp.HCM	224.341.682
Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai	215.489.072
Bệnh Viện Bình Tân	205.417.716
Bệnh Viện Đa Khoa Kiên Giang	203.837.362
Công ty Cổ Phần Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Mỹ Minh Hải	203.598.528
Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Long Khánh	184.740.171
Công ty TNHH Dược Phẩm Tài Thịnh (*)	184.091.992
Công ty Cổ Phần Dược Đồng Nai (DONAIPHARM)	180.292.107
Doanh Nghiệp Dược Phẩm Thanh Tùng (*)	178.553.183
Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Quảng Ngãi	175.921.261
Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Quảng Nam	174.951.961
Công ty CP Thương Mại- Dược-Sâm Ngọc Linh-Quảng Nam (*)	174.180.280
Kwan Star Co., Ltd	171.807.774
Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Cư Jút, Đắk Nông	165.076.202
Bệnh Viện Huyện Tuy Phong, Bình Thuận	162.025.899
Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Tuy Đức, Đắk Nông	156.265.249
Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Đắk Mil, Đắk Nông	152.716.757
Trung Tâm Y Tế Huyện Châu Thành	152.464.523
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương I - PHARBACO	150.512.000
Công ty TNHH Thương Mại - Dược Phẩm Hoa Đà (*)	144.705.264
Bệnh Viện Nhân Dân 115	144.018.181
Công ty TNHH Dược Phẩm Sơn Tây	141.750.000
Trung Tâm Y Tế Thị Xã Bến Cát	136.183.092
Công ty TNHH Dược Phẩm Mỹ Lan -Quy Nhơn	134.886.416
Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Đắk Song	132.680.244
Bệnh Viện Quận Thủ Đức	127.225.959
Công ty TNHH NN MTV Dược Vật Tư Y Tế Quảng Ngãi	122.126.602
Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Thới Bình, Cà Mau	119.280.275
Nhà Thuốc Ngọc Hân - Trà Vinh	117.944.003
Trung Tâm Y Tế Huyện Long Phú, Sóc Trăng	115.160.915
Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Tâm Thành	109.447.261
Công ty TNHH Dược Phẩm Hoàng Vũ -ĐakLak	108.552.915

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA**

Địa chỉ: 184/2 LÊ VĂN SỸ - PHƯỜNG 10 - QUẬN PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vân Sơn	108.233.914
Công ty TNHH Doanh Trí -Kiên Giang	105.241.500
Công ty Cổ Phần PYMEPHARCO	103.173.918
Hiệu Thuốc Tổng Công ty Dược VN	101.000.000
Bệnh Viện Chợ Rẫy	100.358.692
Trung Tâm Y Tế Ninh Hòa	99.353.425
Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Duyên Hải, Trà Vinh	97.768.237
Công ty Cổ Phần Dược & Vật Tư Y Tế Ninh Thuận (*)	95.398.073
Công ty TNHH Một Thành Viên Vĩnh Đạt -Kiên Giang	94.156.924
Công ty TNHH Dược Phẩm Hồng Phương	93.905.904
Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Long Phú Sóc Trăng	93.147.114
Bệnh Viện Đa Khoa Mộ Đức	90.463.328
Trung Tâm Y Tế Huyện Trần Đề	90.237.200
Trung Tâm Y Tế Huyện Gò Dầu, Tây Ninh (*)	87.108.758
Bệnh Viện Đa Khoa Thống Nhất Tỉnh Đồng Nai	84.716.525
Trung Tâm Y Tế Huyện Điện Bàn	82.192.191
Công ty TNHH Dược Phẩm Nhất Anh (NAFARMA) (*)	81.664.402
Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Cẩm Mỹ	81.070.546
Bệnh Viện Nguyễn Tri Phương (*)	80.291.649
Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Định Quán, Đồng Nai	79.339.938
Bệnh Viện 175	78.307.833
Trung Tâm Y Tế Huyện Chư Sê	77.447.108
Công ty TNHH Trung Tâm Y Khoa Phước An	76.116.152
Nhà Thuốc Số 1 - Cà Mau	74.226.675
Bệnh Viện Nguyễn Đình Chiểu (*)	73.838.597
Công ty TNHH Dược Phẩm Bửu Hòa	73.782.527
CN. Công ty TNHH Hoàng Tuấn-Bệnh Viện Đa Khoa Hoàng Tuấn	73.197.741
Công ty Cổ Phần Dược Vật Tư Y Tế DOPHARCO	73.145.756
Bệnh Viện Quân Y 15	72.794.610
Bệnh Viện 30-4	71.329.545
Bệnh Viện Ung Bướu	71.142.403
Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Châu Thành, Trà Vinh	71.061.877
Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Tỉnh An Giang (*)	70.418.219
Công ty TNHH Dược Phẩm Niềm Tin (*)	70.000.000
Công ty Cổ Phần Dược BECAMEX (*)	67.907.870
Công ty TNHH DP Hiệp Thành - Đồng Tháp	66.990.577
Bệnh viện Đa Khoa Khu vực Tháp Mười - Đồng Tháp	65.496.839
Bệnh Viện Đa Khoa Đặng Thùy Trâm	64.150.810
Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Thanh Bình - Đồng Tháp	63.321.199
Trung Tâm Y Tế Huyện Bến Lức (*)	62.974.800
Nhà Thuốc Nguyễn Huệ -Sóc Trăng	62.103.772
Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Hồng Ngự	60.953.816
Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Lấp Vò, Đồng Tháp	60.657.704
Trung Tâm Y Tế Huyện Tân Châu Tỉnh Tây Ninh	60.517.800
Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sóc Trăng	60.451.374
Nhà thuốc Khai Minh - Bạc Liêu	60.330.858
Công ty Cổ phần Dược phẩm Thịnh Phát - Cà Mau	60.000.900
Công ty TNHH Dược Phẩm Quốc Tế - Đắc Lắc	59.716.735
Trung Tâm Y Tế Cao Su Chư Păh (*)	58.561.062
Nhà Thuốc Mai Vân - Q.Tân Phú	57.900.024
Trung Tâm Y Tế Huyện Kông Chro	57.376.799



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA**

Địa chỉ: 184/2 LÊ VĂN SỸ - PHƯỜNG 10 - QUẬN PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

Trung Tâm Y Tế Huyện Đắk Pơ	56.493.748
Công ty TNHH Dược Phẩm Quảng Đà (*)	55.600.777
Công ty TNHH TM DP Hùng Vương	55.416.147
Công ty TNHH Dược Phẩm Ngọc Thu	54.966.448
Bệnh Viện Đa Khoa Phước Long, Bạc Liêu	54.914.305
Bệnh viện Bình Thạnh	54.669.430
Nhà Thuốc Hồng Phúc	54.201.000
Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Xuân Lộc	53.458.309
Bệnh Viện Đa Khoa Dầu Giây	52.592.625
Bệnh Viện Nguyễn Trãi	52.410.535
Công ty TNHH Dược Phẩm OPM -Đà Nẵng	52.347.205
Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Cù Lao Dung	52.237.920
Công ty TNHH Bệnh Viện Vạn Phúc	51.579.857
Công ty TNHH Phú Bình Phương	51.563.400
Trung Tâm Y Tế Khánh Vĩnh	51.497.408
Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Đắk Glong	51.496.655
Trung Tâm Y Tế Huyện Mỹ Tú	50.840.098
Trung Tâm Y Tế Huyện Phú Thiện	50.772.094
Công ty TNHH TM & DV DP Bình Phú - Bình Phước	50.375.009
Trung Tâm Y Tế Huyện Chư Păh (*)	50.033.602
Công ty TNHH Dược Phẩm Sơn Tùng (*)	799.585.646
Công ty TNHH Đông Phương Hồng (*)	778.290.342
Bệnh Viện Thanh Nhân	453.676.343
Công ty CP Dược và Thiết bị VTYT Tuyên Quang (*)	446.741.453
Nhà thuốc Liên Thủy (*)	401.424.724
Vũ Ngọc Luân (*)	348.429.944
Công ty CP Dược VTYT Quảng Ninh	331.254.607
Công ty CP Dược VTYT Quảng Trị	309.619.729
Công ty CP Dược Phẩm Hồng Ngọc	297.079.451
Bệnh Viện Lão Khoa TW	294.217.361
Bệnh Viện Trung Ương Huế	272.846.942
Công ty CP Thương Mại và Thiết Bị Y Tế HP (*)	257.787.600
Công ty CP Dược Hà Tĩnh (*)	246.813.981
Bệnh Viện Đa Khoa Nam Đàn	235.285.597
Công ty CP Sao Mai (*)	234.930.003
Trung Tâm Y Tế Thành Phố Điện Biên Phủ (*)	229.234.005
Công ty CP Bệnh viện đa khoa Hồng Đức	221.270.700
Bệnh viện Bắc thẳng Long	219.208.670
Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2 (Q25 C9 - Ngô Văn Thắng)	214.432.200
Công ty CP TM Dược Phẩm Ngọc Đông	205.723.344
Công ty CP Dược VTYT Hải Dương (*)	205.469.302
Công ty Cổ Phần TM DP Mỹ Anh(Q231Hapu- Bùi Tuệ Khanh)	204.031.800
Công ty CP TM Dược Phẩm Nam An (Q342 hapu - Chì Giang)	198.584.726
Nhà Thuốc Khoa Lài (*)	197.088.252
Bệnh viện Đa Khoa Sóc Sơn	193.594.086
Bệnh viện Đa Khoa huyện Kim Bảng	186.731.239
Trung Tâm Y Tế Quận Dương Kinh (*)	186.434.346
Bệnh viện Nhi Thái Bình	178.651.252
Hà Văn Hưởng	177.032.130
Công ty TNHH Dược phẩm Đa Phúc	176.291.342
Công ty TNHH thương mại Dược Mỹ Phẩm Thanh Bình	176.271.690

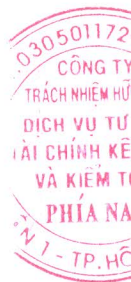
**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA**

Địa chỉ: 184/2 LÊ VĂN SỸ - PHƯỜNG 10 - QUẬN PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

Công ty CP Dược Phẩm Hà Nam Ninh	171.695.929
Công ty CP Dược Phẩm Quảng Bình	163.380.909
Công ty Cổ Phần Armypharm	161.064.960
Công ty Cổ phần Tralystar	159.287.398
Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Kiến Xương	156.050.020
Công ty CP Dược VTYT Ngọc Khánh (Q312 Hapu - Lư hạnh Vân Bình)	149.645.195
Công ty TNHH TM Dược Mỹ Phẩm Thanh Bình (119/168 - P.T.Châu)	139.933.070
Trung Tâm Y Tế Huyện Mường ăng	138.742.800
Công ty TNHH Thương Mại & Dược Phẩm Hoàng Tuấn	135.646.560
Công ty TNHH Hoàng Hương - NT số 02 ( Q204 Hapu - Nguyễn Thị My	131.023.278
Công ty CP Thương mại và Dược phẩm Nam Việt (*)	123.131.439
Công ty Cổ Phần Dược Thiết Bị Y Tế Bình Minh	123.065.104
Bệnh Viện đa khoa thành phố Phú Lý	120.312.975
Bệnh Viện Y Học Cổ Truyền TW	119.601.020
Công ty CP Dược Đức Minh - Hưng Yên	115.627.635
Bệnh Viện Đa Khoa Thành Phố Hà Tĩnh	112.230.006
Công ty TNHH Dược phẩm Việt Anh (*)	111.475.691
Trần Minh Thạch	109.286.983
Công ty TNHH Dược Phẩm Ngọc Diệp (Q411 Hapu)	107.152.306
Bệnh Viện Đa Khoa huyện Nho Quan	103.956.159
Công ty CP TM Dược phẩm Nam An(Q342AHapu - Chì Bích)	103.710.680
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Hà Nam	103.579.036
Công ty Dược Phẩm Đức Hưng	102.914.740
Bệnh Viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	102.738.600
Công ty TNHH Dược Phẩm Hạnh Nghị	102.425.716
Trung Tâm Y Tế Huyện Phú Xuyên	101.310.418
Trung tâm y tế huyện Văn Yên	99.344.288
Các khách hàng khác	18.021.077.341

*Ghi chú (\*): Các khoản phải thu khách hàng đã được đối chiếu, xác nhận tại ngày 31/12/2014.***3.2- Trả trước cho người bán 5.311.545.952 2.374.736.560****Chi tiết trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2014 như sau:**

SRS PHARMACEUTICALS PVT LTD	2.297.461.813
East Grace Corp. (China)	1.258.444.785
MEYER PHARMACEUTICALS LTD.	358.063.335
Cơ Sở Sản Xuất Thiết Bị Cơ Y Hóa	300.000.000
Công ty Cổ Phần Cơ Khí Chính Xác Anh Đức	225.720.000
Viện Kiểm Nghiệm thuốc TP.HCM	217.500.000
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	175.966.470
NEW YERSEY PHARMACEUTICAL, INC-USA	105.650.000
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương VIDIPHA	76.822.800
VPĐD Ceres Commodities Pvt. Ltd.	74.723.641
CN Công ty TNHH MTV Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn-XN hơi Kỹ Nghệ Que Hàn Bình Dương	61.255.312
Công ty TNHH TM Hưng Dương	101.605.497
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dịch Vụ Lộc Phước Xuân	89.611.300

**3.3- Các khoản phải thu khác 7.215.748.184 5.051.360.542***Chi tiết phải thu khác tại ngày 31/12/2014 như sau:*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA**

Địa chỉ: 184/2 LÊ VĂN SỸ - PHƯỜNG 10 - QUẬN PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

- Phải thu tiền thuế đất của Công ty GB	4.175.529.353
- BHXH, BHYT	570.554.190
- Trần Minh - Phó Giám đốc	173.969.198
- Ban Quản lý dự án cục phòng chống HIV/AIDS	151.000.000
- Bệnh Viện Đa Khoa Tinh Yên Bái	31.288.000
- Công ty CP Đầu tư Bất Động Sản Hapulico	27.000.000
- Phải thu khác	2.086.407.443

**3.4- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi** **(1.370.337.488)** **(1.370.337.488)**

Đối tượng	Số nợ gốc	Số trích lập đến 31/12/2014	Số trích lập đến 01/01/2014
- Hiệu thuốc Tổng Công ty Dược Việt Nam	101.000.000	(101.000.000)	(101.000.000)
- Công ty TNHH NN MTV Dược VTYT Quảng Ngãi	122.126.602	(122.126.602)	(122.126.602)
- Trần Đình Tâm	1.170.779.621	(1.147.210.886)	(1.147.210.886)

**Cộng các khoản phải thu ngắn hạn** **107.379.076.446** **91.865.380.235**

<b>4. HÀNG TỒN KHO</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>4.1- Giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>112.308.237.761</b>	<b>86.589.367.467</b>
Nguyên vật liệu	55.210.673.119	52.077.463.885
Công cụ dụng cụ	772.587.946	517.973.659
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.701.652.543	7.467.114.262
Thành phẩm	34.492.708.602	26.526.815.661
Hàng hóa	16.130.615.551	
<b>4.2- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>		
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>112.308.237.761</b>	<b>86.589.367.467</b>

<b>5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>5.1- Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>262.184.800</b>	
<b>5.2- Thuế GTGT được khấu trừ</b>	<b>3.378.538.425</b>	<b>1.538.969.923</b>
<b>5.3- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>		<b>61.700.000</b>
<b>5.4- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>1.571.076.706</b>	<b>3.174.425.165</b>
Tạm ứng	1.424.147.687	685.783.645
<b>Ký quỹ, ký cược ngắn hạn</b>	<b>146.929.019</b>	<b>2.488.641.520</b>
Ký quỹ tại ngân hàng Vietcombank	137.252.859	2.479.267.520
Ký quỹ khác	9.676.160	9.374.000
<b>Cộng tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>5.211.799.931</b>	<b>4.775.095.088</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA**

Địa chỉ: 184/2 LÊ VĂN SỸ - PHƯỜNG 10 - QUẬN PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

**6. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
1 Số dư đầu năm	93.482.777.558	85.212.759.965	4.440.124.789	4.796.967.479	187.932.629.791
2 Tăng trong năm		6.388.751.788	968.181.818	59.020.000	7.415.953.606
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong năm		6.388.751.788	968.181.818	59.020.000	7.415.953.606
- Tăng khác					
3 Giảm trong năm					
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4 Số dư cuối năm	93.482.777.558	91.601.511.753	5.408.306.607	4.855.987.479	195.348.583.397
<b>II. Giá trị hao mòn LK</b>					
1 Số dư đầu năm	13.548.035.420	53.561.854.177	3.432.187.158	3.598.623.636	74.140.700.391
2 Tăng trong năm	3.541.992.432	10.164.392.127	409.380.008	490.257.123	14.606.021.690
- Khấu hao trong năm	3.541.992.432	10.164.392.127	409.380.008	490.257.123	14.606.021.690
- Tăng khác					
3 Giảm trong năm					
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4 Số dư cuối năm	17.090.027.852	63.726.246.304	3.841.567.166	4.088.880.759	88.746.722.081
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1 Tại ngày đầu năm	79.934.742.138	31.650.905.788	1.007.937.631	1.198.343.843	113.791.929.400
2 Tại ngày cuối năm	76.392.749.706	27.875.265.449	1.566.739.441	767.106.720	106.601.861.316

**7. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

KHOẢN MỤC	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
1 Số dư đầu năm	9.223.160.506	560.000.000	9.783.160.506
2 Số tăng trong năm		205.000.000	205.000.000
<i>Bao gồm:</i>			
- Mua trong năm		205.000.000	205.000.000
- Tăng khác			

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA**

Địa chỉ: 184/2 LÊ VĂN SỸ - PHƯỜNG 10 - QUẬN PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

<b>3 Số giảm trong năm</b> <i>Bao gồm:</i> - Thanh lý, nhượng bán - Giảm khác			
<b>4 Số dư cuối năm</b>	<b>9.223.160.506</b>	<b>765.000.000</b>	<b>9.988.160.506</b>
<b>II. Giá trị hao mòn LK</b>			
<b>1 Số dư đầu năm</b>	<b>1.123.818.113</b>	<b>101.111.114</b>	<b>1.224.929.227</b>
<b>2 Số tăng trong năm</b> - Khấu hao trong năm - Tăng khác	<b>294.177.779</b> 294.177.779		<b>294.177.779</b> 294.177.779
<b>3 Số giảm trong năm</b> <i>Bao gồm:</i> - Thanh lý, nhượng bán - Giảm khác			
<b>4 Số dư cuối năm</b>	<b>1.417.995.892</b>	<b>101.111.114</b>	<b>1.519.107.006</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
<b>1 Tại ngày đầu năm</b>	<b>8.099.342.393</b>	<b>458.888.886</b>	<b>8.558.231.279</b>
<b>2 Tại ngày cuối năm</b>	<b>7.805.164.614</b>	<b>663.888.886</b>	<b>8.469.053.500</b>

- 8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**  
Xây dựng nhà máy GMP-WHO tại Bình Dương  
Cộng chi phí xây dựng cơ bản dở dang

<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	757.000.000
	<b>757.000.000</b>

- 9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Đầu tư cổ phiếu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Dược Phẩm Việt Nam	400	40.000.000	400	40.000.000
Công ty CP Dược Phẩm Pharmedic	3.846	9.660.000	3.846	9.660.000
Công ty CP Dược Phẩm Mekophar (*)	72.600	2.300.000.000	60.500	2.300.000.000
Công ty CP Dược Phẩm OPC (*)	153.562	2.182.500.000	102.375	2.182.500.000
<b>Cộng đầu tư dài hạn khác</b>		<b>4.532.160.000</b>		<b>4.532.160.000</b>

**Ghi chú:**

Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư :

(\*): Số CP tăng trong năm là do được chia CP thưởng.

- 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Chi phí thanh lý TSCĐ  
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ  
Cộng chi phí trả trước dài hạn

<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	10.433.680.481
333.716.538	408.890.757
<b>333.716.538</b>	<b>10.842.571.238</b>

- 11. NỢ NGẮN HẠN**

**11.1- Vay và nợ ngắn hạn**

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn (\*)  
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)

**11.2- Phải trả người bán**

Chi tiết phải trả người bán tại ngày 31/12/2014 như sau:

Công ty Micro Labs India (Limited)

<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>25.876.754.859</b>	<b>20.933.150.589</b>
25.876.754.859	17.678.939.143
	3.254.211.446
<b>63.133.565.075</b>	<b>31.863.742.307</b>
31.761.277.812	

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 LÊ VĂN SỸ - PHƯỜNG 10 - QUẬN PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

Aceto Pte Ltd.	4.204.583.400
Công ty TNHH In & Bao Bì Giấy Vạn Hưng	4.237.429.064
Công ty Cổ Phần TM - SX Oai Hùng	2.554.265.460
Lion Corporation	1.939.400.589
Công ty TNHH SX-TM Nhựa Cường Phát (*)	1.921.252.390
Linaria Chemicals (Thailand) Ltd	1.657.188.000
Công ty CP Thủy Tinh Hưng Phú (*)	1.375.461.458
Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang (*)	1.072.177.773
Công ty TNHH Hóa Chất Đăng Hưng	736.439.270
Công ty TNHH Kiến Việt (*)	569.964.022
Sinobright Pharmaceutical Co., Ltd	594.888.000
Công ty TNHH TM Hưng Phát Thành	496.400.000
Nomura Trading Co., Ltd	462.403.550
Austin Pharma Specialties Co., Ltd	456.617.732
Công ty XNK NVL Việt Hà	427.032.093
Công ty TNHH SX & TM Nam Long Phát (*)	393.910.788
Công ty TNHH Vạn Hưng	389.603.940
Công ty TNHH Dược Phẩm Quốc Tế Khôi Nguyên	385.875.000
Công ty TNHH Hóa Dược Quốc Tế Phương Đông	353.988.750
Công ty CP Dược Phẩm Cửu Long (PHARIMEXCO) (*)	319.817.494
Cơ Sở BB. DP. Thành Hưng	300.697.000
Công ty TNHH Hóa Dược Châu Quân	296.414.065
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Kỳ Phương	295.890.000
Công ty TNHH MTV TM & SX Bao Bì Minh Phát	293.511.650
Công ty TNHH Hóa Dược F.D & C (*)	229.766.900
Công ty Cổ Phần Y Dược Phẩm Vimedimex (*)	212.463.572
Công ty CP Dược Phẩm TV.PHARM	203.490.000
Công ty CP Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (Bourbon)	193.100.000
Công ty TNHH Dược Phẩm Trâm Bảo Khoa	190.000.000
Công ty TNHH TM Dược Phẩm Tâm An (*)	187.169.499
Công ty TNHH TM Nam Thái Bình Dương (*)	170.415.000
Công ty TNHH MTV Dược Phẩm Trung Ương 1 - CN.HCM	166.486.320
Công ty TNHH Nam Long Phát	133.482.250
Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Phẩm OPC - Bình Dương (*)	132.600.000
Công ty TNHH IMSC	121.800.000
Công ty CP Nhựa Sài Gòn (*)	118.800.000
Công ty TNHH TM & DV Ánh Sáng Châu Á (*)	112.856.000
Công ty TNHH Tư Vấn Kỹ Thuật và Môi Trường Thiên Ân	109.534.000
Công ty CP DP EUVIPHARM - Thành Viên Tập Đoàn VALEANT	104.762.863
Công ty TNHH Vĩnh An	101.764.300
Công ty Cổ Phần Armypharm	560.853.195
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Dược Phẩm Việt Pháp	451.531.983
Công ty TNHH Dịch Vụ Y Tế Hưng Thành	389.792.843
Công ty TNHH Hữu Hạn Vạn Xuân	152.408.473
CN Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Bến Tre Tại Hà Nội	144.646.673
Công ty TNHH Dược VietAmerican	133.758.403
Công ty TNHH Đức Tâm	120.000.000
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thương Mại Dược Phẩm NMN	106.299.118
Các đối tượng khác	1.089.294.383





**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA**

Địa chỉ: 184/2 LÊ VĂN SỸ - PHƯỜNG 10 - QUẬN PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

<b>11.3- Người mua trả tiền trước</b>	<b>1.874.443.803</b>	<b>6.040.570.721</b>
Ban Quản Lý Dự Án Phòng Chống HIV/AIDS KV Châu Á tại VN	483.199.568	
ROYAL NYTA PHARMACO. , LTD	308.824.487	
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương VIDIPHA	165.197.523	107.040.822
Công ty TNHH Minh Quang	158.560.000	158.560.000
Công ty Cổ Phần Thương Mại Dược Phẩm Quốc Kỳ	119.871.360	
Các khách hàng khác	638.790.865	5.774.969.899
<b>11.4- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>1.631.762.579</b>	<b>3.439.391.227</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.571.324.530	3.380.262.359
- Thuế thu nhập cá nhân	60.438.049	59.128.868
<i>Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.</i>		
<b>11.5- Phải trả người lao động</b>	<b>3.019.455.650</b>	<b>4.375.404.098</b>
<b>11.6- Chi phí phải trả</b>		<b>1.200.000.000</b>
<b>11.7- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>10.857.834.821</b>	<b>1.987.166.492</b>
- Kinh phí công đoàn	174.307.028	135.774.945
- BHXH, BHYT, BHTN	407.224.856	158.596.435
- Phải trả cổ tức	1.288.295.860	597.562.470
- Phải trả khác	1.488.007.077	1.095.232.642
- Phải trả Công ty CP Tập Đoàn Đầu tư Địa Ốc Novaland (tiền đặt cọc thực hiện dự án) (*)	7.500.000.000	
<b>11.8- Dự phòng phải trả dài hạn</b>	<b>5.015.000.000</b>	
<b>11.9- Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành</b>	<b>1.621.932.004</b>	<b>233.796.926</b>
<b>Cộng nợ ngắn hạn</b>	<b>113.030.748.791</b>	<b>70.073.222.360</b>

*Ghi chú (\*): Nợ ngắn hạn đã được đối chiếu, xác nhận tại ngày 31/12/2014.***12. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam		9.006.000.000
<b>Cộng vay và nợ dài hạn</b>		<b>9.006.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA**

Địa chỉ: 184/2 LÊ VĂN SỸ - PHƯỜNG 10 - QUẬN PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn CP	Vốn khác thuộc vốn CSH	Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	82.869.880.000	77.064.971.200	13.030.515.170	56.236.902.058	21.614.692.176	250.816.960.604
Tăng vốn trong năm trước	4.130.120.000	413.012.000				4.543.132.000
Lãi trong năm trước					22.605.320.676	22.605.320.676
Tăng khác				5.018.497.072		5.018.497.072
Giảm vốn trong năm trước						
Lỗ trong năm trước						
Giảm khác					21.886.713.869	21.886.713.869
<b>Số dư cuối năm trước</b>						
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>87.000.000.000</b>	<b>77.477.983.200</b>	<b>13.030.515.170</b>	<b>61.255.399.130</b>	<b>22.333.298.983</b>	<b>261.097.196.483</b>
Tăng vốn trong năm nay						
Lãi trong năm nay				4.861.724.473	29.062.761.975	29.062.761.975
Tăng khác						
Giảm vốn trong năm nay						
Lỗ trong năm nay						
Giảm khác (*)						
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>87.000.000.000</b>	<b>77.477.983.200</b>	<b>13.030.515.170</b>	<b>66.117.123.603</b>	<b>28.790.740.282</b>	<b>272.416.362.255</b>

Ghi chú (\*): Khoản giảm khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là khoản phân phối lợi nhuận năm 2013 theo Nghị Quyết số 01-NQ/ĐHĐCĐ-VDP ngày 05/04/2014 như sau:

- Chia cổ tức 18%/vốn điều lệ:	15.660.000.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển:	4.514.458.439
- Trích quỹ dự phòng tài chính:	347.266.034
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:	2.083.596.203
	<b>22.605.320.676</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA**

Địa chỉ: 184/2 LÊ VĂN SỸ - PHƯỜNG 10 - QUẬN PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

<b>b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Vốn góp của Nhà nước	29,6%	25.790.400.000	25.790.400.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	70,4%	61.209.600.000	61.209.600.000
<b>Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>100%</b>	<b>87.000.000.000</b>	<b>87.000.000.000</b>

<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>+ Vốn đầu tư của chủ SH</b>		
- Vốn góp đầu năm	87.000.000.000	87.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm		
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	87.000.000.000	87.000.000.000
<b>+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>15.660.000.000</b>	<b>14.916.578.400</b>

<b>d) Cổ tức</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>+ Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:</b>		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		

<b>e) Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>+ Số lượng cp đăng ký phát hành</b>	<b>8.700.000</b>	<b>8.700.000</b>
<b>+ Số lượng cp đã bán ra công chúng</b>		
- Cổ phiếu phổ thông	8.700.000	8.700.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
<b>+ Số lượng cp được mua lại</b>		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
<b>+ Số lượng cp đang lưu hành</b>		
- Cổ phiếu phổ thông	8.700.000	8.700.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

<b>f) Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	58.973.605.068	54.459.146.629
- Quỹ dự phòng tài chính	7.143.518.535	6.796.252.501
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.621.932.004	233.796.926

<b>14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu bán hàng hóa	400.522.922.889	333.073.599.702
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
<b>Cộng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>400.522.922.889</b>	<b>333.073.599.702</b>

<b>15. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chiết khấu thương mại	47.276.690	
- Giảm giá hàng bán	3.764.250	49.723.664
- Hàng bán bị trả lại	1.237.109.379	1.906.511.002
<b>Cộng các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>1.288.150.319</b>	<b>1.956.234.666</b>

<b>16. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu thuần bán hàng hóa	399.234.772.570	331.117.365.036
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ		
<b>Cộng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>399.234.772.570</b>	<b>331.117.365.036</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA**

Địa chỉ: 184/2 LÊ VĂN SỸ - PHƯỜNG 10 - QUẬN PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Giá vốn của hàng hóa đã bán

**Cộng giá vốn hàng bán**

Năm nay	Năm trước
317.348.628.288	258.694.357.848
<b>317.348.628.288</b>	<b>258.694.357.848</b>

**18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Lãi tiền gửi

Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

Cổ tức, lợi nhuận được chia

**Cộng doanh thu hoạt động tài chính**

Năm nay	Năm trước
883.524.342	178.826.836
30.280.651	6.051.619
374.657.470	570.574.055
<b>1.288.462.463</b>	<b>755.452.510</b>

**19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Lãi tiền vay

Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

Chi phí tài chính khác

**Cộng chi phí tài chính**

Năm nay	Năm trước
1.957.550.420	4.371.361.350
917.144.650	1.099.247.709
	1.845.403
<b>2.874.695.070</b>	<b>5.472.454.462</b>

**20. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

Chi phí lương nhân viên bán hàng

Chi phí vận chuyển hàng hoá

Chi phí khuyến mãi hàng hoá

Chi phí NGL, NHL, VL, VT, CCDC, PTTT

Chi phí bằng tiền khác

Chi phí bán hàng loại trừ khi tính TNDN

Chi phí khác

**Cộng chi phí bán hàng**

Năm nay	Năm trước
1.496.082.398	2.903.769.047
1.196.755.307	12.098.000
	740.611.613
3.408.865.550	2.691.694.616
2.982.795.668	461.468.815
1.562.109.709	1.997.770.018
2.290.389.102	
<b>12.936.997.734</b>	<b>8.807.412.109</b>

**21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Chi phí lương nhân viên quản lý

Chi phí nguyên liệu, vật liệu quản lý

Chi phí nhiên liệu, đồ dùng VP, PTTT, CCDC

Chi phí khấu hao TSCĐ khối văn phòng

Thuế, phí và lệ phí

Chi phí hàng hóa, dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

Chi phí quản lý loại trừ khi tính TNDN

Chi phí khác

**Cộng chi phí quản lý doanh nghiệp**

Năm nay	Năm trước
16.878.206.589	11.751.038.624
446.167.512	600.307.830
1.022.741.357	1.315.002.608
2.194.626.926	1.954.715.713
525.511.847	2.697.725.535
5.038.086.101	4.536.373.941
1.820.102.002	4.634.584.716
168.715.624	768.279.858
2.510.572.667	2.828.916.673
<b>30.604.730.625</b>	<b>31.086.945.498</b>

**22. THU NHẬP KHÁC**

Thu nhập từ bán nguyên vật liệu

Thu nhập từ bồi thường và hỗ trợ di dời

Thu nhập khác

**Cộng thu nhập khác**

Năm nay	Năm trước
19.153.169.795	30.495.455.419
12.334.139.427	
101.414.885	58.411.452
<b>31.588.724.107</b>	<b>30.553.866.871</b>

**23. CHI PHÍ KHÁC**

Chi phí thanh lý TSCĐ

Chi phí bán nguyên vật liệu

Chi phí khác

**Cộng chi phí khác**

Năm nay	Năm trước
10.433.680.481	
18.986.787.986	27.244.856.265
1.006.140.460	772.129
<b>30.426.608.927</b>	<b>27.245.628.394</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA**

Địa chỉ: 184/2 LÊ VĂN SỸ - PHƯỜNG 10 - QUẬN PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

	Năm nay	Năm trước
<b>24. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH</b>		
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	8.640.822.599	8.639.033.183
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>8.640.822.599</b>	<b>8.639.033.183</b>
<b>25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI</b>		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	92.246.170	(124.467.753)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	124.467.753	
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>216.713.923</b>	<b>(124.467.753)</b>
<b>26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	232.191.022.531	203.545.477.418
Chi phí nhân công	14.868.367.748	21.337.502.338
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.900.219.370	14.780.092.515
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.500.515.985	9.452.307.943
Chi phí khác bằng tiền	5.915.647.713	9.666.152.682
<b>Cộng chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>276.375.773.347</b>	<b>258.781.532.896</b>
<b>27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29.062.761.975	22.605.320.676
lợi nhuận kế toán để xác định lợi		
+ Các khoản điều chỉnh tăng		
+ Các khoản điều chỉnh giảm		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	29.062.761.975	22.605.320.676
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	8.700.000	8.385.432
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.341	2.696
<b>28. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT</b>		
Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	620.000.000	664.000.000
<b>Cộng chi phí của HĐQT và BKS</b>	<b>620.000.000</b>	<b>664.000.000</b>
<b>29. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ</b>		
a. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.920.298.496	31.119.886.106
- Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không được trừ khi tính thuế)	1.730.825.333	4.006.820.680
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức được chia)	(374.657.470)	(570.574.055)
b. Tổng thu nhập chịu thuế	39.276.466.359	34.556.132.731
c. Thuế TNDN phải nộp	8.857.536.522	8.514.565.430
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.640.822.599	8.639.033.183
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại	216.713.923	(124.467.753)
d. Lợi nhuận sau thuế TNDN (d=a-c)	29.062.761.975	22.605.320.676

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 LÊ VĂN SỸ - PHƯỜNG 10 - QUẬN PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

### 30 THÔNG TIN BỔ SUNG

#### 30.1- Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm 2014, Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên có liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Hội đồng quản trị		Thù lao	620.000.000
Ban Giám đốc/Tổng Giám đốc		Lương và thưởng	1.979.072.871
Ông Trần Minh	Đ. Giám đốc CN Hà Nội	Hoàn tiền mượn	66.000.000

Tại ngày 31/12/2014, số dư của bên có liên quan như sau:

Ông Trần Minh 173.969.198

#### 30.2- Báo cáo bộ phận:

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 LÊ VĂN SỸ - PHƯỜNG 10 - QUẬN PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

### 30.3- Tài sản và nợ phải trả tài chính:

Bảng so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị dự phòng		Giá trị hợp lý	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.703.451.724	18.340.216.383			15.703.451.724	18.340.216.383
Đầu tư ngắn hạn	25.000.000.000				25.000.000.000	
Phải thu khách hàng	96.222.119.798	85.809.620.621	(1.370.337.488)	(1.370.337.488)	94.851.782.310	84.439.283.133
Các khoản phải thu khác	7.215.748.184	5.051.360.542			7.215.748.184	5.051.360.542
Đầu tư dài hạn khác	4.532.160.000	4.532.160.000			4.532.160.000	4.532.160.000
<b>Cộng</b>	<b>148.673.479.706</b>	<b>113.733.357.546</b>	<b>(1.370.337.488)</b>	<b>(1.370.337.488)</b>	<b>147.303.142.218</b>	<b>112.363.020.058</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Vay và nợ	25.876.754.859	29.939.150.589			25.876.754.859	29.939.150.589
Phải trả cho người bán	63.133.565.075	31.863.742.307			63.133.565.075	31.863.742.307
Người mua trả tiền trước	1.874.443.803	6.040.570.721			1.874.443.803	6.040.570.721
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.857.834.821	1.987.166.492			10.857.834.821	1.987.166.492
<b>Cộng</b>	<b>101.742.598.558</b>	<b>69.830.630.109</b>			<b>101.742.598.558</b>	<b>69.830.630.109</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Giá trị hợp lý của khoản phải thu được xác định bằng giá trị ghi sổ trừ đi khoản trích lập dự phòng.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (ngoại trừ khoản phải thu khách hàng) không được đánh giá lại vào ngày 31/12/2014. Tuy nhiên Ban Giám đốc cho rằng không có sự chênh lệch trọng yếu về giá trị ghi sổ với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính của nó tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 LÊ VĂN SỸ - PHƯỜNG 10 - QUẬN PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

## 30.4- Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty:

Công ty chịu ảnh hưởng của các rủi ro sau:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro thị trường

### a- Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

#### Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### b- Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban Giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Vay và nợ	25.876.754.859			25.876.754.859
Phải trả cho người bán	63.133.565.075			63.133.565.075
Người mua trả tiền trước	1.874.443.803			1.874.443.803
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.857.834.821			10.857.834.821
<b>Cộng</b>	<b>101.742.598.558</b>			<b>101.742.598.558</b>
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Vay và nợ	20.933.150.589		9.006.000.000	29.939.150.589
Phải trả cho người bán	31.863.742.307			31.863.742.307
Người mua trả tiền trước	6.040.570.721			6.040.570.721
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.987.166.492			1.987.166.492
<b>Cộng</b>	<b>60.824.630.109</b>		<b>9.006.000.000</b>	<b>69.830.630.109</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 LÊ VĂN SỸ - PHƯỜNG 10 - QUẬN PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

## c- Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

### - Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Trong năm 2014 Công ty không phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ.

### - Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

### - Rủi ro về giá khác

những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty.

## d- Rủi ro về cổ phiếu

Cổ phiếu của Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về cổ phiếu là không đáng kể.

## 30.5- Số liệu so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2014 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

CN. *Nghiêm Minh Tuấn*

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

CN. *Hoàng Chế Bắc*

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



CN. *Hoàng Văn Hòa*